TRƯỜNG ĐHSP HÀ NỘI
KHOA TOÁN-TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH SƯ PHẠM TOÁN HỌC
(Mã ngành 7140209)

A. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

- Khối học vấn chung (không tính GDTC, GDQP) 25
- Khối học vấn chung nhóm ngành Khoa học Tự nhiên-Công nghệ 10
- Khối học vấn ngành Toán 66
- Khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm 35

Tổng số tín chỉ **136**

B. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Số tiết trên lớp		Tự học, tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Thực hành, thảo luận		
Khối học vấn chung							
1	Triết học Mác-Lênin	PHIS 105	3	36	9	90	
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	POLI 104	2	20	10	30	PHIS 105
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POLI 106	2	20	10	60	PHIS 105, POLI 104
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI 204	2	20	10	30	PHIS 105, POLI 106
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI 202	2	20	10	30	PHIS 105, POLI 106
6	Giáo dục thể chất 1	PHYE 150	1	**GDTC**			
7	Giáo dục thể chất 2	PHYE 151	1				
8	Giáo dục thể chất 3	PHYE 250	1				
9	Giáo dục thể chất 4	PHYE 251	1				
10	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	DEFE 105	60 tiết	**GDQP-AN**			
11	Công tác quốc phòng và an ninh	DEFE 106	30 tiết				
12	Quân sự chung	DEFE 205	30 tiết				
13	Kĩ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	DEFE 206	60 tiết				

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Số tiết trên lớp		Tự học, tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Thực hành, thảo luận		
14	Tiếng Anh 1	ENGL 104	3	30	15	90	Chọn 1 trong 3 học phần
	Tiếng Trung 1	CHIN 105					
	Tiếng Pháp 1	FREN 104					
15	Tiếng Anh 2	ENGL 106	3	30	15	90	ENGL104
	Tiếng Trung 2	CHIN 106					CHIN 105
	Tiếng Pháp 2	FREN 106					FREN 104
16	Tâm lí học giáo dục	PSYC 101	4	45	15	120	
17	Thống kê xã hội học	MATH 137	2	20	10	60	
18	Tin học đại cương	COMM 106	2	10	20	60	
19	Nhập môn Khoa học tự nhiên-Công nghệ	COMM 104	3	36	9	90	
20	Nhập môn Khoa học máy tính	COMP 106	2	15	15	60	
21	Nhập môn Lí thuyết ma trận	MATH 160	2	17	13	60	
22	Phép tính vi tích phân hàm một biến	MATH 159	3	30	15	90	
Khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm							
23	Giáo dục học	PSYC 102	3	25	20	90	PSYC 101
24	Lí luận dạy học	COMM 201	2	15	15	60	PSYC 101
25	Giao tiếp sư phạm	PSYC 104	2	15	15	60	PSYC 102. Chọn 1 trong 2 học phần
	Phát triển mối quan hệ nhà trường						
26	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	COMM 001	3		45	135	
27	Đánh giá trong giáo dục	COMM 003	2	15	15	60	PSYC 102, COMM 201
28	Thực hành kĩ năng giáo dục	COOM 301	2	10	20	60	PSYC 102
29	Phát triển chương trình nhà trường	COMM 004	2	15	15	60	PSYC 102. Chọn 1 trong 2 học phần
	Triển khai chương trình giáo dục phổ thông trong nhà trường						
30	Thực hành dạy học tại trường sư phạm	MATH 353T	3	7	38	90	Chọn 1 trong 2 học phần
	Trải nghiệm hoạt động dạy học			15	30		
31	Phương pháp dạy học bộ môn 1 (Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán)	MATH 352T	4	39	21	120	COMM 201

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Số tiết trên lớp		Tự học, tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Thực hành, thảo luận		
	Lí luận dạy học phát triển năng lực môn Toán			34	26		Chọn 1 trong 2 học phần
32	Phương pháp dạy học bộ môn 2 (Xây dựng kế hoạch dạy học môn Toán)	MATH 354T	3	30	15	90	MATH 352T
33	Phương pháp dạy học bộ môn 3 (Tổ chức dạy học môn Toán)	MATH 455T	3	25	20	90	MATH 354T
34	Thực tập sư phạm I	COMM 013	3				MATH 353T
35	Thực tập sư phạm II	COMM 014	3				COMM 013
Khối học vấn ngành Toán							
36	Số học	MATH 214T	4	31	29	120	Chọn 1 trong 2 học phần
	Lí thuyết số			32	28		
37	Các cấu trúc đại số cơ bản	MATH 211T	5	38	37	150	
38	Lí thuyết Galois	MATH 312T	3	25	20	90	
39	Đại số sơ cấp	MATH 413T	3	18	27	90	Chọn 1 trong 2 học phần
	Lí thuyết hàm sơ cấp			20	25		
40	Giải tích thực một biến	MATH 221T	4	32	28	120	
41	Giải tích thực nhiều biến I	MATH 222T	5	40	35	150	MATH 159
42	Hàm biến phức	MATH 223T	3	30	15	90	Chọn 1 trong 2 học phần
	Giải tích phức một biến			28	17		
43	Giải tích thực nhiều biến II	MATH 324T	3	20	25	90	MATH 159, MATH 211T
44	Nhập môn phương trình vi phân	MATH 425T	3	23	22	90	MATH 221T
45	Giải tích hàm	MATH 426T	4	32	28	120	
46	Đại số tuyến tính	MATH 231T	3	25	20	90	MATH 160
47	Hình học tuyến tính I	MATH 232T	3	30	15	90	
48	Hình học tuyến tính II	MATH 334T	3	30	15	90	
49	Cơ sở hình học	MATH 333T	3	27	18	90	Chọn 1 trong 2 học phần
	Hình học sơ cấp			16	19		
50	Hình học lồi	MATH 335T	3	35	10	90	Chọn 1 trong 2 học phần
	Hình học của các nhóm biến đổi			30	15		
51	Phần mềm toán học	MATH 245T	2	15	15	120	
52	Xác suất và thống kê toán học I	MATH 341T	3	30	15	90	MATH 137
53	Xác suất và thống kê toán học II	MATH 342T	3	30	15	90	MATH 137

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Số tiết trên lớp		Tự học, tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Thực hành, thảo luận		
54	Tối ưu	MATH 343T	3	25	20	90	
55	Giải tích số	MATH 444T	3	25	20	90	Chọn 1 trong 2 học phần
	Toán học tính toán			22	23		

TRƯỞNG KHOA
(*Ký, ghi rõ họ tên*)